

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	401.75 ↑	2.88	0.72%
KLGD (triệu ck)	38.89 ↓	-7.61	-16.37%
GTGD (tỷ đồng)	593.30 ↓	-82.49	-12.21%
Tổng cung (triệu ck)	112.45 ↓	-10.77	-8.74%
Tổng cầu (triệu ck)	121.68 ↓	-38.65	-24.11%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	4.50 ↑	1.01	29.07%
KL bán (triệu ck)	2.63 ↓	-2.31	-46.73%
Giá trị mua (tỷ đồng)	108.54 ↓	-0.59	-0.54%
Giá trị bán (tỷ đồng)	96.29 ↓	-2.40	-2.43%

Các ngưỡng kĩ thuật

C	Điểm	Đánh giá
Kháng cự 1	405	*
Kháng cự 2	425	***
Kháng cự 3		
Hỗ trợ 1	390	*
Hỗ trợ 2	380	**
Hỗ trợ 3	350	***

- * Yếu
- ** Trung Bình
- *** Mạnh
- **** Rất mạnh

Công Ty CPOCK Dầu khí
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội
ĐT: (84-4) 39343888
Fax: 393439999

Nhận định thị trường:



Nhận định thị trường:

Như đã phân tích trong bản tin cuối tuần qua, do sức cầu hiện tại chủ yếu phân bổ ở mức giá thấp nên chưa thể tạo động lực đẩy thị trường tăng mạnh hoặc tăng bền vững ngay trong thời điểm hiện tại. VN-Index vẫn duy trì trạng thái dao động trong khoảng 380 – 405 điểm. Việc thanh khoản sụt giảm khi chỉ số tăng tới gần kháng cự 405 cho thấy sự điều chỉnh giảm nhẹ trong ngắn hạn có khả năng xảy ra. Tình trạng tương tự cũng diễn ra trên chỉ số HNX-Index, và chỉ số có hỗ trợ ngắn hạn tại mức 57 điểm. Mặc dù vậy, việc điều chỉnh giảm của HNX-index phiên hôm nay mới chỉ mang tính chất là các dao động bình thường, nếu không có tin xấu tác động thì chỉ số sẽ khó giảm mạnh. Trong trường hợp sức mua gia tăng trở lại ở vùng giá thấp, NĐT đang có tỷ lệ tiền mặt cao có thể tham gia vào thị trường với một tỷ lệ nhỏ số tiền mặt hiện có.

HNX:**Tổng quan thị trường**

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	58.70 ↓	-0.53	-0.89%
KLGD (triệu ck)	23.28 ↓	-9.62	-29.25%
GTGD (tỷ đồng)	172.31 ↓	-85.40	-33.14%
Tổng cung (triệu ck)	51.73 ↑	0.23	0.45%
Tổng cầu (triệu ck)	32.00 ↓	-19.35	-37.68%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	1.78 ↑	0.24	15.68%
KL bán (triệu ck)	0.42 ↓	-0.23	-35.43%
Giá trị mua (tỷ đồng)	16.63 ↓	-1.49	-8.23%
Giá trị bán (tỷ đồng)	4.93 ↓	-2.64	-34.89%

Các ngưỡng kỹ thuật

	Điểm	Đánh giá
Kháng cự 1	58.79	*
Kháng cự 2	62.71	**
Kháng cự 3	67	***
Hỗ trợ 1	57	**
Hỗ trợ 2	vùng 55 điểm	****
Hỗ trợ 3		

* Yếu

** Trung Bình

*** Mạnh

**** Rất mạnh

Thanh khoản

KLGD Khớp lệnh	Giá trị (cổ phiếu/phiên)
Bình quân 15 phiên	26,740,846
Bình quân 25 phiên	30,898,390
Cao nhất trong 6 tháng	111,859,504
Thấp nhất trong 6 tháng	18,768,100
Phiên gần nhất	21,806,200

Nhận định thị trường:

Đồ thị HNX-Index.

Phân tích kỹ thuật:

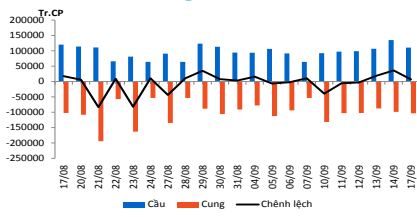
Đáng chú ý trong giao dịch ngày hôm nay là thanh khoản trên HNX có chiều hướng giảm mạnh và áp lực bán lại gia tăng vào cuối phiên. Mặc dù vậy, áp lực bán hiện tại không quá mạnh, và phiên giảm điểm ngày hôm nay mới chỉ mang tính chất một dao động bình thường của thị trường.

HNX-Index có ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn tại 57 điểm, tương ứng với đáy cũ gần nhất trước đó. Tuy nhiên, vùng 55 – 57 điểm cũng là vùng hỗ trợ rất mạnh khi tại vùng giá này, nhiều cổ phiếu xuống sát mức thấp nhất trong lịch sử giao dịch. Do đó chúng tôi cho rằng nếu không có tin xấu tác động đột biến, khả năng sụt giảm mạnh sẽ khó diễn ra trên sàn HNX.

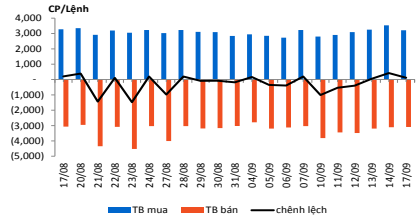
Việc tăng dần cắt qua đường EMA (7) có vẻ đã không thành công, và chưa xác nhận trạng thái tăng ngắn hạn của HNX-Index. Do đó, trạng thái kỹ thuật của HNX-Index đang là dao động không xác định xu hướng ngay cả trong ngắn hạn. Tuy nhiên với các phân tích nêu trên, trong trường hợp thanh khoản, sức cầu bắt đáy có dấu hiệu tăng trở lại ở vùng giá thấp khi thị trường điều chỉnh giảm thì NĐT nếu đang có tỷ lệ tiền mặt cao trong danh mục có thể tham gia một phần tiền vào thị trường, ưu tiên giải ngân mức giá thấp với các mã có sẵn trong danh mục.

HSX:

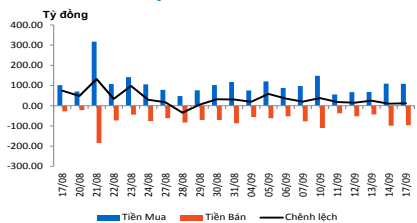
Cung cầu



Trung bình lệnh mua/bán



Giao dịch NĐTNN



Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh

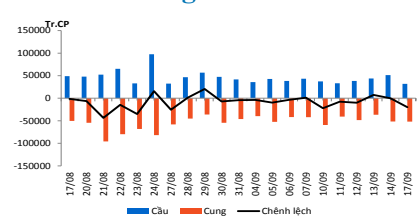
VN-Index tăng nhẹ 1.68 điểm, tương ứng 0.42% đạt 400.55 điểm trong đợt khớp lệnh mở cửa. Giao dịch đạt gần 1.85 triệu đơn vị, trị giá 26 tỷ đồng. Bảng điện tử có phần khá cân bằng với 54 mã tăng giá, 47 mã giảm và 50 mã giao dịch ở mức tham chiếu. Thị trường được nâng đỡ chủ yếu bởi BVH tăng trần với lực mua áp đảo. Đây cũng là phiên tăng trần thứ 4 liên tiếp của cổ phiếu này.

Cho đến hết buổi sáng, đà tăng của VN-Index vẫn được giữ vững dù có phần thu hẹp so với giữa buổi. Cuối buổi sáng, BVH và STB vẫn tăng trần với lực cầu áp đảo. Với 88 mã tăng giá, 98 mã giảm, VN-Index thu hẹp biên độ tăng còn 4.43 điểm, tức 1.11% đạt 403.3 điểm. Thanh khoản đạt 22.64 triệu đơn vị, tương đương 356 tỷ đồng.

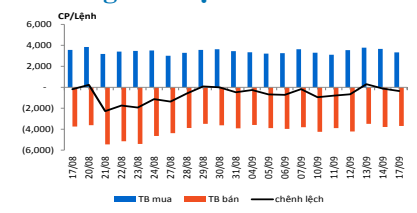
Cuối phiên, Với 119 mã giảm giá, 99 mã tăng và 65 mã giao dịch tham chiếu, VN-Index thu hẹp mức tăng còn 2.88 điểm, tức 0.72% đóng cửa tại 401.76 điểm. Giao dịch tăng gần gấp đôi phiên sáng, đạt 38.88 triệu đơn vị, tương đương 593 tỷ đồng.

HNX:

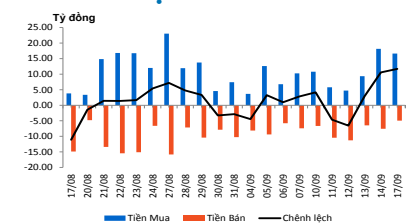
Cung cầu



Trung bình lệnh mua/bán



Giao dịch NĐTNN



Diễn biến thị trường Hà Nội:

HNX-Index giảm 0.22 điểm (0.37%) xuống 59.01 điểm chỉ sau 15 phút mở cửa và xu hướng vẫn còn tiếp tục mở rộng. Khối lượng giao dịch gần 1.67 triệu đơn vị, tương ứng 10.23 tỷ đồng, trong đó PVX đã chiếm 1/3 với 650 ngàn cổ phiếu.

Cuối buổi sáng, HNX-Index tiếp tục giảm xuống 58.92 điểm khi mất 0.31 điểm (0.52%). Tổng khối lượng giao dịch chỉ đạt 14.1 triệu đơn vị (107.75 tỷ đồng). HNX chỉ có 59 mã tăng giá, trong đó có sự bứt phá của ACB, DCS vào cuối phiên kéo chỉ số thị trường tăng nhẹ so đầu phiên. Khá nhiều cổ phiếu giảm giá, hầu hết các mã lớn như VND, KLS, SCR, SHB, SHS giảm giá, cá biệt PVX giảm sàn do tin xấu xuất hiện từ đầu phiên. Nhà đầu tư khá thận trọng nên sàn có lên đến 234 mã đứng giá.

Kết thúc phiên giao dịch HNX-Index giảm 0.89% tương đương 0.53 điểm xuống còn 58.7 điểm. Khối lượng giao dịch tăng lên 23.3 triệu cổ phần, tổng giá trị 172.31 tỷ đồng. Toàn sàn có được 80 mã tăng giá, trong đó 33 mã tăng trần tuy nhiên giá trị rất thấp, 132 mã giảm giá (42 mã giảm sàn).

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện

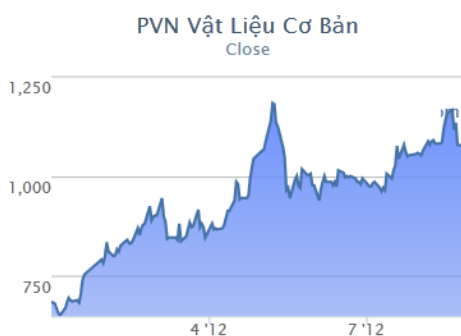


Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	728.08	↓15.21	↓ -2.05
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	683.54	↓10.46	↓ -1.51
PVN ALLSHARE	665.17	↓10.05	↓ -1.49
PVN ALLSHARE HNX	490.47	↓8.63	↓ -1.73
PVN ALLSHARE HSX	729.37	↓10.97	↓ -1.48
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1086.96	↓40.58	↓ -3.6
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	788.73	↓14.08	↓ -1.75
PVN Tài Chính	475.77	↑3.09	↑ 0.65
PVN Công Nghiệp	334.93	↓13.19	↓ -3.79
PVN Dầu Khí	664.08	↓8.54	↓ -1.27
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	752.21	↓16.76	↓ -2.18

Chỉ số Ngành



Tổng quan về Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyên nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hoá thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 5 mã cổ phiếu đứng giá, 6 mã tăng giá và 17 mã cổ phiếu giảm giá. Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm 1,12% và tổng khối lượng giao dịch chỉ đạt 8,375 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 17/09:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị	5,000.0	-	0.00	0.44	13.51	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	3,000.0	2,000	-3.23	0.29	27.27	HNX
3	PFL	Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô	2,900.0	137,800	3.57	0.17	0.28	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	17,400.0	303,100	-2.79	1.43	1.16	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	7,100.0	21,600	-4.05	0.66	4.49	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,000.0	-	0.00	0.46	2.76	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	3,900.0	31,700	2.63	0.39	N/A	HNX
8	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	12,500.0	123,000	-3.85	0.75	1.87	HNX
9	PVE	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP	9,600.0	19,700	0.00	1.68	4.38	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	9,500.0	157,200	-2.06	0.61	6.83	HNX
11	PVI	Công ty Cổ phần PVI	15,900.0	6,400	0.00	0.68	8.03	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	3,800.0	7,400	0.00	0.36	1.78	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	15,400.0	602,117	-1.28	1.30	4.12	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5,100.0	3,394,645	-5.56	0.22	1.92	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	41,300.0	113,130	-1.20	3.33	13.24	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	37,500.0	1,422,000	-3.60	2.24	6.06	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	26,100.0	30,650	-1.51	1.20	3.18	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	5,900.0	81,440	3.51	0.51	4.31	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	11,200.0	42,840	-1.75	0.64	2.76	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	38,200.0	276,270	-2.30	1.87	5.40	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	2,800.0	199,340	-3.45	0.27	2.17	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	34,300.0	124,210	-1.72	1.16	6.74	HSX
23	PVF	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	8,800.0	773,860	1.15	0.77	11.14	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	4,300.0	258,520	-4.44	0.44	39.09	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	4,300.0	78,810	2.38	0.41	2.87	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	3,100.0	24,610	-3.13	0.28	1.61	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	9,300.0	129,690	-1.06	0.70	2.79	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	4,400.0	13,110	2.33	0.40	2.89	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
DPM	38,900	37,500	-3.60	53,702,944
VCB	26,100	27,100	3.83	35,411,110
VIC	74,000	75,000	1.35	32,366,300
EB	14,700	15,200	3.40	21,592,138
STB	20,000	21,000	5.00	15,420,879

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
VND	9,800	9,600	-2.04	20,614
KLS	8,700	8,500	-2.30	17,895
PVX	5,400	5,100	-5.56	17,645
ACB	18,000	18,200	1.11	13,447
SHB	6,700	6,600	-1.49	10,372

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VSG	900	1,000	100	11.11
CMX	4,000	4,200	200	5.00
DLG	4,000	4,200	200	5.00
STB	20,000	21,000	1,000	5.00
HOT	20,000	21,000	1,000	5.00

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VCH	1,200	1,300	100	8.33
PSG	1,400	1,500	100	7.14
DPC	10,000	10,700	700	7.00
SMT	4,300	4,600	300	6.98
TST	4,300	4,600	300	6.98

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
DDM	1,800	1,700	-100	-5.56
HHS	32,000	30,400	-1,600	-5.00
MDG	4,000	3,800	-200	-5.00
SGT	6,000	5,700	-300	-5.00
FDC	16,800	16,000	-800	-4.76

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
NVC	1,400	1,300	-100	-7.14
SHN	1,400	1,300	-100	-7.14
THV	1,400	1,300	-100	-7.14
INN	11,500	10,700	-800	-6.96
SGH	80,700	75,100	-5,600	-6.94

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VIC	22,696	DPM	29,685
VCB	20,092	VIC	28,254
VNM	17,245	VNM	16,978
STB	6,714	BVH	4,530
DPM	5,884	CTG	3,355

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
PVS	5,269	AAA	1,028
VCG	4,438	VNR	871
PVX	1,476	SDT	615
KLS	1,357	PVG	326
DBC	1,102	VC1	296

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



PSI

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339